

KINH DI GIÁO

Đại Chánh Tân Tu, Bộ Niết Bàn,

Kinh số 0389

Nguyên tác Hán ngữ [1]

Diêu Tần Cưu Ma La Thập dịch Hán

Trí-Nguyệt dịch từ Hán văn

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-06-2014

Người thực hiện :

Tuyết Nhung – tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

KINH DI GIÁO
NGUYÊN TÁC HÁN NGỮ

---o0o---

KINH DI GIÁO

Đại Chánh Tân Tu, Bộ Niết Bàn, Kinh số 0389

Diêu Tần Cưu Ma La Thập dịch Hán

Trí-Nguyệt dịch từ Hán văn

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần đầu tiên giảng pháp cho nhóm năm tu sĩ đồng tu với Kiều Trần Như, lần cuối cùng Ngài giảng pháp cho Tu Bạt Đà La. Tóm lại, những người đáng được độ Ngài đã độ tất cả. Một bữa nọ, trong rừng cây Ta La, vào lúc giữa đêm không một tiếng động, trước giờ phút vào Niết bàn rốt ráo, Đức Phật vì đại chúng tỳ kheo tóm tắt những pháp và luật quan trọng mà Ngài đã thuyết giảng trong suốt 45 năm.

Này các tỳ kheo! Sau khi Như Lai diệt độ, quý thầy nên quý trọng giới luật như người đi đêm quý trọng ngọn đuốc sáng và như người nghèo gặp được một tài sản lớn. Các vị nên biết rằng giới luật đó là bậc thầy sáng suốt của quý vị, cho dù Như Lai có còn sống nữa cũng không khác gì giới luật đó. Quý trọng giới luật là:

- Không nên kinh doanh thương mãi, mua ruộng cát nhà, thuê mướn tôi tớ, chăn nuôi súc vật, trao đổi hàng hóa, tích lũy của báu.

- Không nên đôn chặt cây cỏ, đào xới đất đai, điều chế thuốc thang, coi tướng đoán mộng, cúng sao giải hạn, nghiên cứu tinh tượng, tìm tòi hưng suy, coi ngày bói quẻ.

- Không được tham gia việc đời, gián điệp thông tin, luyện bùa chế thuốc, kết thân nhà giàu, gần kẻ hung tàn.

- Không được che dấu lỗi lầm, bày trò lường gạt, chứa đồ quốc cấm.

- Phải xa lìa những pháp ấy như tránh hầm lửa lớn.

- Phải biết giữ gìn thân tâm, ăn uống đúng lúc, sống đời trong sạch, cuộc sống tri túc.

- Phải tự kiềm chế dục vọng để mong cầu giải thoát.

Này các tỳ kheo! Đây là tóm lược những giới luật cần thiết, vì đó là cửa ngõ chính để giải thoát, cho nên giữ gìn giới này có thể sanh các thứ thiên định và trí tuệ diệt khổ. Các thầy nên quyết tâm vâng giữ giới luật này, đừng nên yếu kém mà vi phạm. Vị nào có nghị lực giữ gìn giới luật này trọn vẹn thì vị ấy có vô lượng pháp lành an lạc. Vị nào quá yếu kém để vi phạm vào giới luật đó thì vị ấy mất hết mọi pháp lành và trọn đời không được an lạc. Do đó Như Lai gọi giới luật này là phương pháp để giải thoát và là nơi dung chứa mọi công đức an ổn.

Lại nữa, này các tỳ kheo! Nếu các vị đã có thể giữ gìn giới luật này rồi thì các vị nên kiểm soát năm giác quan của mình, chớ buông lung đắm nhiễm vào năm dục lạc. Người nào biết kiểm soát năm giác quan của mình cũng giống như mục đồng kiểm soát trâu của mình, không để phạm vào lúa mạ của kẻ khác. Nếu ai không đủ nghị lực kiểm soát năm giác quan mình, không những càng ngày càng đắm sâu trong năm dục, mà còn do đó tạo ra rất nhiều tội lỗi nữa. Kẻ đó giống như con ngựa chướng, không có dây cương chế ngự nó, thì nó sẽ hất tung người cỡi xuống hố thẳm. Các vị nên biết giặc giã cướp bóc chỉ gây tai hại một kiếp, còn buông lỏng năm giác quan vào năm thứ dục lạc thì gây tai họa cho nghìn đời. Cho

nên quý vị nên cẩn thận với năm giác quan của mình. Người có trí tuệ kiểm soát được năm giác quan của mình, không đắm mê năm dục lạc, không cho buông lung, do đó dần dần chế ngự được tâm mình.

Tâm là chủ tể của năm giác quan. Nếu không chế ngự được tâm, thì tâm ấy đáng sợ hơn rắn độc, cọp dữ. Muốn chế ngự tâm thì phải kiểm soát năm giác quan, và ngược lại, muốn kiểm soát năm giác quan thì phải theo dõi tâm. Ví như người bung bát nước đầy đi đường xa, phải vừa nhìn bát nước vừa để ý con đường trước mặt thì mới có thể an toàn và không mất đi một giọt nước nào. Nếu để tâm mình buông lung, thì chẳng khác gì voi điên không có móc sắ, khi vượn gặp được rùng cây, mặc sức đập phá, nhảy nhót. Buông thả tâm này thì mọi công đức lành mất hết. Chế ngự được tâm thì công đức lành nào cũng đạt được, quả vị nào cũng có thể chứng đắc. Vì vậy các thầy nên cố gắng chế ngự tâm mình.

Này các tỳ kheo! Khi thọ dụng thức ăn, các vị nên đặt mình trong tình huống đang mang bệnh và thức ăn là một liều thuốc trị bệnh đói gầy, cho nên các vị không nên phát khởi ý tưởng khen chê ngon hay dở, vì liều thuốc đó đang trị bệnh đói khát. Như ong lấy mật hoa, chỉ hút mật hoa mà không tổn hại đến hương và sắc của hoa. Cũng vậy, khi các thầy thọ dụng đồ cúng dường không nên có nhu cầu quá nhiều, vì làm như thế gây thương tổn lòng thành tín của tín đồ. Như người có trí tự biết lường được sức trọng tải của xe mà chất đồ để khỏi xe hư giữa đường.

Này các tỳ kheo! Ngày đêm phải cố gắng chuyên tâm tu tập, không nên để thời gian luống qua một cách vô ích. Đầu hôm và gần sáng phải tụng kinh thiền quán, giữa đêm cũng nên duy trì chánh niệm để tự đoạn trừ tội lỗi, không nên vì ham mê ngủ nghỉ mà để một đời trôi qua không được một chút ích lợi gì. Các vị nên luôn tâm niệm rằng mọi sự sống và con người đang bị cái hiện tượng già suy, cái tàn phai héo úa đe dọa và bào mòn từng giây từng phút không ngừng, cho nên các vị phải mau chóng tự tìm cho mình một phương pháp tu tập để giải thoát, không nên lãng quên tai họa trước mắt mà chìm sâu trong ngủ nghỉ. Làm sao các vị có thể yên tâm ngủ nghỉ được khi xung quanh mình toàn là những oán thù, giặc giã, oan gia, lửa dữ của phiền não nghiệp chướng? Tâm các vị chưa được chế ngự mà ham mê ngủ nghỉ thì chẳng khác nào ôm chất nổ đi vào lửa. Phiền não còn trong tâm các vị giống như rắn độc đang ở trong nhà, phải dùng giới luật để đoạn trừ phiền não như dùng gậy đuổi rắn độc ra, lúc ấy mới thật an ổn mà ngủ nghỉ, nếu không dứt phiền não mà đắm chìm trong ngủ nghỉ thì là người không biết hổ thẹn. Hổ thẹn có thể ngăn ngừa các pháp ác, cho nên các vị nên luôn biết hổ thẹn, không được tạm bỏ. Tỳ kheo biết hổ thẹn giống như phụ nữ có trang điểm và đeo nữ trang. Nếu ai xa lìa hổ thẹn thì người đó mất hết mọi công đức. Người biết hổ

thẹn thì có các pháp lành. Ai sống không biết hổ thẹn thì chẳng khác gì cầm thú hoang dã.

Này các tỳ kheo! Công đức của Nhẫn nhục, Trì giới và Khô hạnh không gì có thể sánh kịp. Giả sử có kẻ bắt lương đánh đập, đâm chém các vị, các vị nên bình tĩnh nhu hòa, không những không nên khởi lên sân hận, mà còn phải chế ngự lời nói, không thốt ra những lời xấu xa ác độc với họ. Nếu không chế ngự tâm và lời nói thì tự mình ngăn lấp ánh sáng suốt và do đó đốt cháy mọi công đức. Vị nào tu hạnh nhẫn nhục thì vị đó đáng gọi là bậc thiện nam tử có hùng lực và bi lực trong giáo pháp của Như Lai. Nếu ai không thể chịu đựng những sự oan ức cay đắng và lời mắng chửi ác độc một cách vui vẻ thì chẳng gọi là tỳ kheo/tỳ kheo ni có trí tuệ. Vì khi khởi lên giận dữ thì mọi công đức lành và tiếng tốt bị lửa sân hận đốt cháy hết, không những đời này mà còn nhiều đời sau nữa. Các vị phải nên đề phòng, đừng để giận dữ len lỏi vào tâm. Mọi công đức quý báu tu tập bị mất hết cũng do tên giặc cướp giận dữ gây ra. Người cư sĩ tại gia không biết ngăn ngừa giận dữ còn có thể tha thứ; người xuất gia học đạo mà còn ôm lòng sầu hận thì không thể chấp nhận trong pháp và luật của Như Lai.

Này các tỳ kheo! Các vị tự vò đầu mình rồi thì sẽ biết. Các vị đã bỏ những đồ trang sức tốt đẹp, mặc ba tấm y cũ rách, mang bình bát khát thực tự sống mà còn khởi tâm kiêu mạn khinh người thì cũng không thể chấp nhận, nếu có hãy mau trừ diệt. Người thế tục còn không nên có lòng kiêu mạn, huống gì người xuất gia nhập đạo. Vì mong cầu giải thoát, các vị tự hạ mình đi khát thực để sống, thế mà còn kiêu mạn, tự cao đợc sao?

Này các tỳ kheo! Các vị nên giữ tâm ngay thẳng, vì tâm dua nịnh cùng với đạo lý giải thoát trái nhau. Tâm dua nịnh chỉ là lừa đảo, người nhập đạo không nên dua nịnh. Các vị nên ngay thẳng, dùng chất trực làm gốc.

Này các tỳ kheo! Người đa dục vì cầu lợi nhiều nên khổ não nhiều, người thiếu dục không mong cầu, không ham muốn nên không có khổ não. Hạnh thiếu dục còn phải tu tập hướng gì thiếu dục để sanh các pháp lành? Người thiếu dục thì không dua nịnh để vừa ý người, cũng không bị các căn dẫn dắt. Người tu hạnh thiếu dục tâm được thanh nhiên, không lo sợ. Người thiếu dục thì có an lạc và có vô lượng công đức.

Này các tỳ kheo! Nếu các vị muốn đoạn trừ khổ não thì phải tri túc, vì tri túc là pháp giàu có, an ổn và vui vẻ. Người có tri túc tuy nằm trên sàn nhà, nền đất cũng thấy thoải mái; người không tri túc dù ở khách sạn năm sao cũng không vừa ý. Người tri túc tuy nghèo mà an lạc sung sướng; người không tri túc tuy giàu mà

không an tâm hưởng thụ. Người không tri túc thường bị ham muốn quấy phá suốt đời, thường làm nô lệ cho mơ ước viễn vông, rất đáng thương xót.

Này các tỳ kheo! Các vị muốn cầu quả vị tịch tịnh an lạc thì phải xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt, riêng ở chỗ vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được Đệ Thích, chư Thiên kính trọng. Cho nên phải chọn nơi rảnh rang an trú một mình để diệt khổ. Nếu thích đông người sẽ bị các sự phiền nhiễu náo loạn. Như cây lớn phải bị nhiều chim chóc làm tổ, tất có ngày bị cái hại khô cây gãy nhánh. Cũng vậy, còn dính líu với thế gian tất bị chìm trong các khổ, cũng như voi yếu sa lầy, không thể tự thoát được.

Này các tỳ kheo! Các vị nên siêng năng tinh tấn, vì siêng năng tinh tấn thì không có phiền não nào không đoạn trừ được, không có quả vị không chứng đắc, giống như dòng nước luôn chảy thì có thể xuyên thủng đá. Ngược lại, nếu tâm của các vị thường biếng nhác, bỏ bê công phu tu tập chẳng khác nào người kéo lửa, vừa nóng lại ngưng, dù muốn có lửa cũng khó mà toại nguyện.

Này các tỳ kheo! Tìm bạn lành, tìm người đồng tu từ bên ngoài để hỗ trợ công phu tu tập không bằng tự mình không quên chánh niệm. Nếu các vị không quên chánh niệm thì phiền não không thể nào sanh khởi. Cho nên các vị nên duy trì chánh niệm tại tâm, nếu mất chánh niệm thì mất tất cả công đức. Một khi các vị duy trì chánh niệm thật vững chắc thì dù có tiếp xúc với năm thứ dục lạc cũng không bị đắm nhiễm, giống như chiến sĩ lâm trận với bộ áo giáp kiên cố thì không bị làn tên mũi đạn làm hại.

Này các tỳ kheo! Một khi đã duy trì được chánh niệm thì tâm an trú trong thiền định, do đó các vị có thể thấy biết rõ sự sanh diệt thay đổi của mọi vật trong thế gian. Cho nên các vị nên siêng năng tu tập thiền định để củng cố tâm mình. Như đắp đê giữ nước, cũng vậy, các vị nên tu bổ đê thiền định để giữ nước trí tuệ.

Này các tỳ kheo! Người có trí tuệ thì không có tham trước, thường tự quán sát không để sanh ra tội lỗi, thì ở trong giáo pháp của Như Lai có thể đạt được giải thoát. Nếu chẳng vậy, đã không thể gọi là bậc đại nhân, lại cũng chẳng phải là bạch y cư sĩ, không biết nên gọi là gì? Người có trí tuệ chân thật ấy là chiếc thuyền tốt có thể vượt qua biển sanh, già, bệnh, chết, cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm, mờ ám; là liều thuốc hay trị tất cả các chứng bệnh; là lưỡi búa bén chặt đứt cây nghiệp phiền não. Cho nên các vị nên dùng huệ Văn, Tư và Tu mà tự làm cho thêm phần lợi ích. Nếu người có trí tuệ chiếu soi, dù là với cặp mắt thường, cũng là người thấy được thông suốt.

Này các tỳ kheo! Đối với các công đức thường phải siêng năng tu tập, bỏ các sự buông lung như tránh giặc cướp. Những điều lợi ích từ trước tới nay Như Lai đã nói hết, các vị chỉ nên siêng năng tu tập. Hoặc ở núi cao, đầm vắng, hoặc ở gốc cây hay trong tịnh thất, các vị đều nên nhớ kỹ giới pháp đã thọ chớ để quên mất. Các vị nên thường tự cố gắng tu hành, đừng để luống qua, sau có sự ăn năn. Như Lai giống như bác sĩ biết bệnh cho thuốc. Uống hay không uống chẳng phải lỗi của bác sĩ; cũng giống như người dẫn đường giỏi chỉ con đường tốt, nghe mà không đi chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường.

Này các tỳ kheo! Đối với giáo lý Tứ Diệu Đế có chỗ nào nghi ngờ nên mau hỏi, không nên ôm mối hoài nghi mà không cầu giải quyết. Đức Thế Tôn nói ba lần như vậy, vẫn không có người nào thưa thỉnh, vì trong đại chúng không có điều gì nghi ngờ nữa. Lúc ấy ngài A Nậu Lô Đà quán sát tâm niệm của đại chúng và bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, mặt trời có thể trở nên lạnh, mặt trăng có thể trở nên nóng, lời Phật nói về Tứ Diệu Đế không thể nào khác được. Phật nói về Khổ để thì chắc chắn là Khổ, không thể vui được. Tập đế là nhân, thì không thể có nhân khác được. Nhân diệt thì khổ diệt. Đạo diệt khổ thật là chơn đạo, không có đạo nào khác. Thưa Thế Tôn, các tỳ kheo trong đây đối với Tứ Diệu Đế quyết định không còn điều gì nghi ngờ nữa”.

Bấy giờ trong đại chúng, người tu hành chưa trọn, biết Phật sắp vào Niết bàn tối hậu, sanh lòng thương xót, có người mới vào đạo nghe Phật nói tức thời được giải thoát, chẳng khác gì nhà tối ngàn năm gặp ánh sáng, có vị tu hành trọn vẹn, được giải thoát, nhưng lại nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn có sao vào Niết bàn tối hậu nhanh chóng thế”.

Tuy ngài A Nậu Lô Đà nói rằng trong đại chúng thấy đều thông suốt được ý nghĩa Tứ Diệu Đế, nhưng Đức Thế Tôn muốn hết thấy đại chúng đều được lòng tin vững chắc, nên Ngài khởi đại bi tâm vì đại chúng dạy rằng: “Này các tỳ kheo! Chớ ôm lòng sâu nảo, cho dù Như Lai có sống ở đời bao lâu đi nữa, rốt cuộc cũng phải chia ly. Hạp mà không tan là điều không thể có. Những giáo pháp tự lợi, lợi tha ta đã giảng đầy đủ cả, cho nên ta có trụ ở thế gian thêm nữa cũng không lợi ích gì. Những người đầy đủ nhân duyên đáng được độ dù ở cõi người hay cõi trời cũng đã được độ cả, còn những ai chưa đủ nhân duyên được độ thì ta sẽ tạo nhân duyên cho được độ, từ nay về sau các đệ tử của ta tiếp tục sự nghiệp ấy. Thế là pháp thân của Như Lai thường còn, không bao giờ mất.

Thế nên phải biết: Cảnh đời là vô thường, có hạp ắt có tan, chớ sanh lòng sâu khổ, tương thế gian là vậy. Tốt hơn hết các vị nên chuyên cần tu tập để sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí tuệ diệt các nghi ám. Cảnh đời hư giả, không gì bền

chắc, ta nay nhập diệt như trừ bệnh dữ. Đây là xác thân phải bỏ, vì là nhân duyên hội tụ, giả gọi là thân. Chính những yếu tố này khiến chúng sanh chìm đắm trong biển sanh, già, bệnh, chết. Người nào diệt trừ được nó như giết được bọn giặc cướp, chẳng vui mừng sao?

Này các tỳ kheo! Các thầy thường phải nhất tâm siêng cầu đạo giải thoát. Tất cả sự vật trong thế gian, dù động hay bất động, đều là tướng bại hoại không an. Này các thầy, thôi! Không nên nói nữa. Thời giờ đã đến, ta sắp nhập Niết bàn. Đó là những lời dạy khuyên cuối cùng của ta.

---o0o---

NGUYÊN TÁC HÁN NGỮ

佛Phật 垂thùy 般Bát 涅Niết 槃Bàn 略lược 說thuyết 教giáo 誡giới 經kinh (亦diệc 名danh 遺di 教giáo 經kinh)

後hậu 秦tân 龜quy 茲tư 國quốc 三Tam 藏Tạng 鳩cưu 摩ma 羅la 什thập 奉phụng 。 詔chiếu 譯dịch 。

釋Thích 迦Ca 牟Mâu 尼Ni 佛Phật 。 初sơ 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。 度độ 阿A 若Nhã 憍Kiều 陳Trần 如Như 。 最tối 後hậu 說thuyết 法Pháp 。 度độ 須Tu 跋Bạt 陀Đà 羅La 。 所sở 應ưng 度độ 者giả 。 皆giai 已đĩ 度độ 訖ngật 。 於ư 娑sa 羅la 雙song 樹thụ 間gian 。 將tương 入nhập 涅Niết 槃Bàn 。 是thị 時thời 中trung 夜đạ 。 寂tịch 然nhiên 無vô 聲thanh 。 為vì 諸chư 弟đệ 子tử 。 略lược 說thuyết 法Pháp 要yếu 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 於ư 我ngã 滅diệt 後hậu 。 當đương 尊tôn 重trọng 珍trân 敬kính 。 波Ba 羅La 提Đề 木Mộc 叉Xoa 。 如như 闇ám 遇ngộ 明minh 。 貧bần 人nhân 得đắc 寶bảo 。 當đương 知tri 此thử 則tắc 是thị 汝nhữ 大đại 師sư 。 若nhược 我ngã 住trụ 世thế 。 無vô 異dị 此thử 也đã 。 持trì 淨tịnh 戒giới 者giả 。 不bất 得đắc 販phán 賣mại 貿mậu 易dị 。 安an 置trí 田điền 宅trạch 。 畜súc 養dưỡng 人nhân 民dân 。 奴nô 婢tỳ 畜súc 生sanh 。 一nhất 切thiết 種chủng/chúng 殖thực 。 及cập 諸chư 財tài 寶bảo 。 皆giai 當đương 遠viễn 離ly 。 如như 避tị 火hỏa 坑khanh 。 不bất 得đắc 斬trảm 伐phạt 草thảo 木mộc 。 墾khẩn 土thổ 掘quật 地địa 。 合hợp 和hòa 湯thang 藥dược 。 占chiêm 相tướng 吉kiết 凶hung 。 仰ngưỡng 觀quan 星tinh 宿tú 。 推thôi 步bộ 盈doanh 虛hư 。 曆lịch 數số 算toán 計kế 。 皆giai 所sở 不bất 應ưng 。 節tiết

身thân 時thời 食thực。清thanh 淨tịnh 自tự 活hoạt。不bất 得đắc 參tham 預dự 世thế 事sự。通thông 致trí 使sứ 命mạng。咒chú 術thuật 仙tiên 藥dược。結kết 好hảo 貴quý 人nhân。親thân 厚hậu 媿tiết 媿。皆giai 不bất 應ưng 作tác。當đương 自tự 端đoan 心tâm。正chánh 念niệm 求cầu 度độ。不bất 得đắc 苞bao 藏tạng 瑕hà 疵tỳ。顯hiển 異dị 惑hoặc 眾chúng。於ư 四tứ 供cúng 養dường。知tri 量lượng 知tri 足túc。趣thú 得đắc 供cúng 事sự。不bất 應ưng/ưng 稽積tích。此thử 則tắc 略lược 說thuyết。持trì 戒giới 之chi 相tương。戒giới 是thị 正chánh 順thuận。解giải 脫thoát 之chi 本bổn。故cố 名danh 波Ba 羅La 提Đề 木Mộc 叉Xoa。依y 因nhân 此thử 戒giới。得đắc 生sinh 諸chư 禪thiền 定định。及cập 滅diệt 苦khổ 智trí 慧tuệ。是thị 故cố 比Tỳ 丘Kheo。當đương 持trì 淨tịnh 戒giới。勿vật 令linh 毀hủy 犯phạm。若nhược 人nhân 能năng 持trì 淨tịnh 戒giới。是thị 則tắc 能năng 有hữu 善thiện 法Pháp。若nhược 無vô 淨tịnh 戒giới。諸chư 善thiện 功công 德đức。皆giai 不bất 得đắc 生sinh。是thị 以đĩ 當đương 知tri。戒giới 為vi 第đệ 一nhất 安an 隱ẩn。功công 德đức 之chi 所sở 住trú 處xứ。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo。已đĩ 能năng 住trụ 戒giới。當đương 制ché 五ngũ 根căn。勿vật 令linh 放phóng 逸dật。入nhập 於ư 五ngũ 欲dục。譬thí 如như 牧mục 牛ngưu 之chi 人nhân。執chấp 杖trượng 視thị 之chi。不bất 令linh 縱túng 逸dật。犯phạm 人nhân 苗miêu 稼giá。若nhược 縱túng 五ngũ 根căn。非phi 唯duy 五ngũ 欲dục。將tương/tương 無vô 崖nhai 畔bạn。不bất 可khả 制ché 也đã。亦diệc 如như 惡ác 馬mã。不bất 以đĩ 轡bí 制ché。將tương 當đương 牽khiên 人nhân。墜trụy 於ư 坑khanh 陷hãm。如như 被bị 劫kiếp 害hại。苦khổ 止chi 一nhất 世thế。五ngũ 根căn 賊tặc 禍họa。殃ương 及cập 累lũy 世thế。為vi 害hại 甚thậm 重trọng。不bất 可khả 不bất 慎thận。是thị 故cố 智trí 者giả。制ché 而nhi 不bất 隨tùy。持trì 之chi 如như 賊tặc。不bất 令linh 縱túng 逸dật。假giả 令linh 縱túng 之chi。皆giai 亦diệc 不bất 久cửu。見kiến 其kỳ 磨ma 滅diệt。此thử 五ngũ 根căn 者giả。心tâm 為vi 其kỳ 主chủ。是thị 故cố 汝nhữ 等đẳng。當đương 好hảo 制ché 心tâm。心tâm 之chi 可khả 畏úy。甚thậm 於ư 毒độc 蛇xà。惡ác 獸thú 怨oán 賊tặc。大đại 火hỏa 越việt 逸dật。未vị 足túc 喻dụ 也đã。動động 轉chuyển 輕khinh 躁táo。但đãn 觀quán 於ư 蜜mật。不bất 見kiến 深thâm 坑khanh。譬thí 如như 狂cuồng 象tượng 無vô 鈎câu。猿viên 猴hầu 得đắc 樹thụ。騰đăng 躍dược 跳khiêu 躑trịch。難nan 可khả 禁cấm 制ché。當đương 急cấp 挫tỏa 之chi。無vô 令linh 放phóng 逸dật。縱túng 此thử 心tâm 者giả 喪táng 人nhân

善thiện 事sự。制ché 之chi 一nhất 處xứ。無vô 事sự 不bất 辦biện。是thị 故cố 比Tỳ 丘Kheo。當đương 勤cần 精tinh 進tán。折chiết 伏phục 其kỳ 心tâm。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo。受thọ 諸chư 飲âm 食thực。當đương 如như 服phục 藥duyệt。於ư 好hảo 於ư 惡ác。勿vật 生sinh 增tăng 減giảm。趣thứ 得đắc 支chi 身thân。以dĩ 除trừ 飢cơ 渴khát。如như 蜂phong 採thải 花hoa。但đãn 取thủ 其kỳ 味vị。不bất 損tôn 色sắc 香huương。比Tỳ 丘Kheo 亦diệc 爾nhĩ。受thọ 人nhân 供cúng 養dưỡng。取thủ 自tự 除trừ 惱nảo。無vô 得đắc 多đa 求cầu。壞hoại 其kỳ 善thiện 心tâm。譬thí 如như 智trí 者giả。籌trù 量lượng 牛ngưu 力lực。所sở 堪kham 多đa 少thiểu。不bất 令linh 過quá 分phần。以dĩ 竭kiệt 其kỳ 力lực。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo。晝trú 則tắc 勤cần 心tâm。修tu 習tập 善thiện 法Pháp。無vô 令linh 失thất 時thời。初sơ 夜đạ 後hậu 夜đạ。亦diệc 勿vật 有hữu 廢phế。中trung 夜đạ 誦tụng 經Kinh。以dĩ 自tự 消tiêu 息tức。無vô 以dĩ 睡thụy 眠miên 因nhân 緣duyên。令linh 一nhất 生sinh 空không 過qua。無vô 所sở 得đắc 也đã。當đương 念niệm 無vô 常thường 之chi 火hỏa。燒thieu 諸chư 世thế 間gian。早tảo 求cầu 自tự 度độ。勿vật 睡thụy 眠miên 也đã。諸chư 煩phiền 惱nảo 賊tặc。常thường 伺tứ 殺sát 人nhân。甚thậm 於ư 怨oán 家gia。安an 可khả 睡thụy 眠miên。不bất 自tự 驚kinh 寤ngộ。煩phiền 惱nảo 毒độc 蛇xà。睡thụy 在tại 汝nhữ 心tâm。譬thí 如như 黑hắc 虻ngon。在tại 汝nhữ 室thất 睡thụy。當đương 以dĩ 持trì 戒giới 之chi 鉤câu。早tảo 擯bính 除trừ 之chi。睡thụy 蛇xà 既ký 出xuất。乃nãi 可khả 安an 眠miên。不bất 出xuất 而nhi 眠miên。是thị 無vô 慚tàm 人nhân 也đã。慚tàm 恥sĩ 之chi 服phục。於ư 諸chư 莊trang 嚴ng nghiêm。最tối 為vi 第đệ 一nhất。慚tàm 如như 鐵thiết 鉤câu。能năng 制ché 人nhân 非phi 法pháp。是thị 故cố 比Tỳ 丘Kheo。常thường 當đương 慚tàm 恥sĩ。無vô 得đắc 暫tạm 替thế。若nhược 離ly 慚tàm 恥sĩ。則tắc 失thất 諸chư 功công 德đức。有hữu 愧quý 之chi 人nhân。則tắc 有hữu 善thiện 法Pháp。若nhược 無vô 愧quý 者giả。與dữ 諸chư 禽cầm 獸thú 無vô 相tuông 異dị 也đã。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo。若nhược 有hữu 人nhân 來lai。節tiết 節tiết 支chi 解giải。當đương 自tự 攝nhiếp 心tâm。無vô 令linh 瞋sân 恨hận。亦diệc 當đương 護hộ 口khẩu。勿vật 出xuất 惡ác 言ngôn。若nhược 縱túng 恚khủ 心tâm。則tắc 自tự 妨phương 道Đạo。失thất 功công 德đức 利lợi。

忍nhẫn 之chi 為vi 德đức 。 持trì 戒giới 苦khổ 行hành 。 所sở 不bất 能năng 及cập 。 能năng 行hành 忍nhẫn 者giả 乃nãi 可khả 名danh 為vi 。 有Hữu 力Lực 大Đại 人Nhân 。 若nhược 其kỳ 不bất 能năng 。 歡hoan 喜hỷ 忍nhẫn 受thọ 。 惡ác 罵mạ 之chi 毒độc 。 如như 飲ẩm 甘cam 露lộ 者giả 。 不bất 名danh 入Nhập 道Đạo 智Trí 慧Tuệ 人Nhân 也đã 。

所sở 以dĩ 者giả 何hà 。 瞋sân 恚khuể 之chi 害hại 。 能năng 破phá 諸chư 善thiện 法Pháp 。 壞hoại 好hảo 名danh 聞văn 。 今kim 世thế 後hậu 世thế 。 人nhân 不bất 憙hí 見kiến 。 當đương 知tri 瞋sân 心âm 。 甚thậm 於ư 猛mãnh 火hỏa 。 常thường 當đương 防phòng 護hộ 。 無vô 令linh 得đắc 入nhập 。 劫kiếp 功công 德đức 賊tặc 。 無vô 過quá 瞋sân 恚khuể 。 白bach 衣y 受thọ 欲dục 。 非phi 行hành 道Đạo 人nhân 。 無vô 法pháp 自tự 制ché 。 瞋sân 猶do 可khả 恕thứ 。 出xuất 家gia 行hành 道Đạo 。 無vô 欲dục 之chi 人nhân 。 而nhi 懷hoài 瞋sân 恚khuể 。 甚thậm 不bất 可khả 也đã 。 譬thí 如như 清thanh 冷lãnh 雲vân 中trung 。 霹phích 靂lịch 起khởi 火hỏa 。 非phi 所sở 應ung 也đã 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 當đương 自tự 摩ma 頭đầu 。 已dĩ 捨xả 飾sức 好hảo 。 著trước 壞hoại 色sắc 衣y 。 執chấp 持trì 應ung 器khí 。 以dĩ 乞khất 自tự 活hoạt 。 自tự 見kiến 如như 是thị 。 若nhược 起khởi 憍kiêu 慢mạn 。 當đương 疾tật 滅diệt 之chi 。 謂vị 長trường/trưởng 憍kiêu 慢mạn 尚thượng 非phi 世thế 俗tục 。 白bach 衣y 所sở 宜ngi 。 何hà 況huống 出xuất 家gia 。 入nhập 道Đạo 之chi 人nhân 。 為vì 解giải 脫thoát 故cố 。 自tự 降giáng/hàng 其kỳ 心âm 。 而nhi 行hành 乞khất 耶da 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 諂siểm 曲khúc 之chi 心âm 。 與dữ 道Đạo 相tương 違vi 。 是thị 故cố 宜ngi 應ung 。 質chất 直trực 其kỳ 心âm 。 當đương 知tri 諂siểm 曲khúc 。 但đãn 為vì 欺khi 誑cuống 。 入nhập 道Đạo 之chi 人nhân 。 則tắc 無vô 是thị 處xứ 。 是thị 故cố 汝nhữ 等đẳng 。 宜ngi 應ung 端đoan 心âm 以dĩ 質chất 直trực 為vì 本bổn 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 當đương 知tri 多đa 欲dục 之chi 人nhân 。 多đa 求cầu 利lợi 故cố 。 苦khổ 惱nảo 亦diệc 多đa 。 少thiểu 欲dục 之chi 人nhân 。 無vô 求cầu 無vô 欲dục 。 則tắc 無vô 此thử 患hoạn 。 直trực 爾nhĩ 少thiểu 欲dục 。 尚thượng 應ung/ứng 修tu 習tập 。 何hà 況huống 少thiểu 欲dục 。 能năng 生sinh 諸chư 善thiện 功công 德đức 。 少thiểu 欲dục 之chi 人nhân 。

則tác 無vô 諂siểm 曲khúc 。 以dĩ 求cầu 人nhân 意ý 。 亦diệc 復phục 不bất 為vị 。 諸chư 根căn 所sở 牽khiên 。 行hành 少thiểu 欲dục 者giả 。 心tâm 則tác 坦thản 然nhiên 。 無vô 所sở 憂u 畏úy 。 觸xúc 事sự 有hữu 餘du 。 常thường 無vô 不bất 足túc 。 有hữu 少thiểu 欲dục 者giả 。 則tác 有hữu 涅Niết 槃Bàn 。 是thị 名danh 少thiểu 欲dục 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 若nhược 欲dục 脫thoát 諸chư 苦khổ 惱não 。 當đương 觀quán 知tri 足túc 。 知tri 足túc 之chi 法pháp 。 即tức 是thị 富phú 樂lạc 。 安an 隱ẩn 之chi 處xứ 。 知tri 足túc 之chi 人nhân 。 雖tuy 臥ngọa 地địa 上thượng 。 猶do 為vi 安an 樂lạc 。 不bất 知tri 足túc 者giả 。 雖tuy 處xứ 天thiên 堂đường 。 亦diệc 不bất 稱xung 意ý 。 不bất 知tri 足túc 者giả 。 雖tuy 富phú 而nhi 貧bần 。 知tri 足túc 之chi 人nhân 。 雖tuy 貧bần 而nhi 富phú 。 不bất 知tri 足túc 者giả 。 常thường 為vị 五ngũ 欲dục 所sở 牽khiên 。 為vi 知tri 足túc 者giả 。 之chi 所sở 憐lân 愍mẫn 。 是thị 名danh 知tri 足túc 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 若nhược 求cầu 寂tịch 靜tĩnh 。 無vô 為vi 安an 樂lạc 。 當đương 離ly 憤hội 鬧náo 。 獨độc 處xứ 閑nhàn 居cư 。 靜tĩnh 處xứ 之chi 人nhân 。 帝Đế 釋Thích 諸chư 天thiên 。 所sở 共cộng 敬kính 重trọng 。 是thị 故cố 當đương 捨xả 。 己kỷ 眾chúng 他tha 眾chúng 。 空không 閑nhàn 獨độc 處xứ 。 思tư 滅diệt 苦khổ 本bản 。 若nhược 樂nhạo 眾chúng 者giả 。 則tác 受thọ 眾chúng 惱não 。 譬thí 如như 大đại 樹thụ 。 眾chúng 鳥điểu 集tập 之chi 。 則tác 有hữu 枯khô 折chiết 之chi 患hoạn 。 世thế 間gian 縛phược 著trước 。 沒một 於ư 眾chúng 苦khổ 。 譬thí 如như 老lão 象tượng 溺nịch 泥nê 。 不bất 能năng 自tự 出xuất 。 是thị 名danh 遠viễn 離ly 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 若nhược 勤cần 精tinh 進tán 。 則tác 事sự 無vô 難nan 者giả 。 是thị 故cố 汝nhữ 等đẳng 。 當đương 勤cần 精tinh 進tán 。 譬thí 如như 小tiểu 水thủy 常thường 流luu 。 則tác 能năng 穿xuyên 石thạch 。 若nhược 行hành 者giả 之chi 心tâm 。 數sác 數sác 懈giải 廢phế 。 譬thí 如như 鑽toản 火hỏa 。 未vị 熱nhiệt 而nhi 息tức 。 雖tuy 欲dục 得đắc 火hỏa 。 火hỏa 難nan 可khả 得đắc 。 是thị 名danh 精tinh 進tán 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 求cầu 善Thiện 知Tri 識Thức 。 求cầu 善thiện 護hộ 助trợ 。 而nhi 不bất 忘vong 念niệm 。 若nhược 不bất 忘vong 念niệm 者giả 。 諸chư 煩phiền 惱não 賊tặc 。 則tác 不bất 能năng 入nhập 。 是thị 故cố 汝nhữ 等đẳng 。 常thường 當đương 攝nhiếp 念niệm 在tại 心tâm 。

若nhược 失thất 念niệm 者giả 。 則tắc 失thất 諸chư 功công 德đức 。 若nhược 念niệm 力lực 堅kiên 強cường 。 雖tuy 入nhập 五ngũ 欲dục 賊tặc 中trung 。 不bất 為vì 所sở 害hại 。 譬thí 如như 著trước 鎧khải 入nhập 陣trận 。 則tắc 無vô 所sở 畏úy 。 是thị 名danh 不bất 忘vong 念niệm 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 若nhược 攝nhiếp 心tâm 者giả 。 心tâm 則tắc 在tại 定định 。 心tâm 在tại 定định 故cố 。 能năng 知tri 世thế 間gian 。 生sinh 滅diệt 法pháp 相tương 。 是thị 故cố 汝nhữ 等đẳng 。 常thường 當đương 精tinh 勤cần 。 修tu 集tập 諸chư 定định 。 若nhược 得đắc 定định 者giả 。 心tâm 則tắc 不bất 亂loạn 。 譬thí 如như 惜tích 水thủy 之chi 家gia 。 善thiện 治trị 堤đê 塘đường 。 行hành 者giả 亦diệc 爾nhĩ 。 為vì 智trí 慧tuệ 水thủy 故cố 。 善thiện 修tu 禪thiền 定định 。 令linh 不bất 漏lậu 失thất 。 是thị 名danh 為vì 定định 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 若nhược 有hữu 智trí 慧tuệ 。 則tắc 無vô 貪tham 著trước 。 常thường 自tự 省tỉnh 察sát 。 不bất 令linh 有hữu 失thất 。 是thị 則tắc 於ư 我ngã 法Pháp 中trung 。 能năng 得đắc 解giải 脫thoát 。 若nhược 不bất 爾nhĩ 者giả 。 既ký 非phi 道Đạo 人nhân 。 又hựu 非phi 白bạch 衣y 。 無vô 所sở 名danh 也đã 。 實thật 智trí 慧tuệ 者giả 。 則tắc 是thị 度độ 老lão 病bệnh 死tử 海hải 。 堅kiên 牢lao 船thuyền 也đã 。 亦diệc 是thị 無vô 明minh 黑hắc 闇ám 。 大đại 明minh 燈đăng 也đã 。 一nhất 切thiết 病bệnh 苦khổ 之chi 良lương 藥dược 也đã 。 伐phạt 煩phiền 惱nảo 樹thụ 。 者giả 之chi 利lợi 斧phủ 也đã 。 是thị 故cố 汝nhữ 等đẳng 。 當đương 以dĩ 聞văn 思sư 修tu 慧tuệ 。 而nhi 自tự 增tăng 益ích 。 若nhược 人nhân 有hữu 智trí 慧tuệ 之chi 照chiếu 。 雖tuy 無vô 天thiên 眼nhãn 。 而nhi 是thị 明minh 見kiến 人nhân 也đã 。 是thị 為vì 智trí 慧tuệ 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 若nhược 種chủng 種chủng 戲hí 論luận 。 其kỳ 心tâm 則tắc 亂loạn 。 雖tuy 復phục 出xuất 家gia 。 猶do 未vị 得đắc 脫thoát 。 是thị 故cố 比Tỳ 丘Kheo 。 當đương 急cấp 捨xả 離ly 。 亂loạn 心tâm 戲hí 論luận 。 若nhược 汝nhữ 欲dục 得đắc 。 寂tịch 滅diệt 樂lạc 者giả 。 唯duy 當đương 善thiện 滅diệt 。 戲hí 論luận 之chi 患hoạn 。 是thị 名danh 不bất 戲hí 論luận 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 於ư 諸chư 功công 德đức 。 常thường 當đương 一nhất 心tâm 。 捨xả 諸chư 放phóng 逸dật 。 如như 離ly 怨oán 賊tặc

。大đại 悲bi 世Thế 尊Tôn 。 所sở 欲dục 利lợi 益ích 。 皆giai 以đĩ 究cứu 竟cánh 。 汝nhữ 等đẳng 但đãn 當đương 。 勤cần 而nhi 行hành 之chi 。 若nhược 在tại 山son 間gián 。 若nhược 空không 澤trạch 中trung 。 若nhược 在tại 樹thụ 下hạ 。 閑nhàn 處xứ 靜tĩnh 室thất 。 念niệm 所sở 受thọ 法Pháp 。 勿vật 令linh 忘vong 失thất 。 常thường 當đương 自tự 勉miễn 。 精tinh 進tán 修tu 之chi 。 無vô 為vi 空không 死tử 。 後hậu 致trí 憂u 悔hối 。 我ngã 如như 良lương 醫y 。 知tri 病bệnh 說thuyết 藥dược 。 服phục 與dữ 不bất 服phục 。 非phi 醫y 咎cữu 也đã 。 又hựu 如như 善thiện 導đạo 。 導đạo 人nhân 善thiện 導đạo 。 聞văn 之chi 不bất 行hành 。 非phi 導đạo 過quá 也đã 。 汝nhữ 等đẳng 若nhược 於ư 。 苦khổ 等đẳng 四Tứ 諦Đế 。 有hữu 所sở 疑ngghi 者giả 。 可khả 疾tật 問vấn 之chi 。 無vô 得đắc 懷hoài 疑ngghi 。 不bất 求cầu 決quyết 也đã 。

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。 如như 是thị 三tam 唱xướng 。 人nhân 無vô 問vấn 者giả 。

所sở 以đĩ 者giả 何hà 。 眾chúng 無vô 疑ngghi 故cố 。

爾nhĩ 時thời 阿a 菟nậu 樓lâu 駄đà 觀quán 察sát 眾chúng 心tâm 。 而nhi 白bach 佛Phật 言ngôn 。

世Thế 尊Tôn 。 月nguyệt 可khả 令linh 熱nhiệt 。 日nhật 可khả 令linh 冷lãnh 。 佛Phật 說thuyết 四Tứ 諦Đế 。 不bất 可khả 令linh 異dị 。 佛Phật 說thuyết 苦Khổ 諦Đế 。 真chân 實thật 是thị 苦khổ 。 不bất 可khả 令linh 樂lạc 。 集tập 真chân 是thị 因nhân 。 更cánh 無vô 異dị 因nhân 。 苦khổ 若nhược 滅diệt 者giả 。 即tức 是thị 因nhân 滅diệt 。 因nhân 滅diệt 故cố 果quả 滅diệt 。 滅diệt 苦khổ 之chi 道đạo 。 實thật 是thị 真chân 道Đạo 。 更cánh 無vô 餘du 道đạo 。 世Thế 尊Tôn 。 是thị 諸chư 比Tỳ 丘Kheo 。 於ư 四Tứ 諦Đế 中trung 。 決quyết 定định 無vô 疑ngghi 。 於ư 此thử 眾chúng 中trung 。 所sở 作tác 未vị 辦biện 者giả 。 見kiến 佛Phật 滅diệt 度độ 。 當đương 有hữu 悲bi 感cảm 。 若nhược 有hữu 初sơ 入nhập 法Pháp 者giả 。 聞văn 佛Phật 所sở 說thuyết 。 即tức 皆giai 得đắc 度độ 。 譬thí 如như 夜đạ 見kiến 電điện 光quang 。 即tức 得đắc 見kiến 道đạo 。 若nhược 所sở 作tác 已đĩ 辦biện 。 已đĩ 度độ 苦khổ 海hải 者giả 。 但đãn 作tác 是thị 念niệm 。

世Thế 尊Tôn 滅diệt 度độ 。 一nhất 何hà 疾tật 哉tai 。

阿a 菟nậu 樓lâu 馱đà 雖tuy 說thuyết 是thị 語ngữ 。 眾chung 中trung 皆giai 悉tát 了liễu 達đạt 。 四Tứ 聖Thánh 諦Đế 義nghĩa 。 世Thế 尊Tôn 欲dục 令linh 。 此thử 諸chư 大đại 眾chung 。 皆giai 得đắc 堅kiên 固cố 。 以dĩ 大đại 悲bi 心tâm 。 復phục 為vì 眾chung 說thuyết 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 勿vật 懷hoài 憂ưu 惱nảo 。 若nhược 我ngã 住trụ 世thế 一nhất 劫kiếp 。 會hội 亦diệc 當đương 滅diệt 。 會hội 而nhi 不bất 離ly 。 終chung 不bất 可khả 得đắc 。 自tự 利lợi 利lợi 人nhân 。 法Pháp 皆giai 具cụ 足túc 。 若nhược 我ngã 久cửu 住trụ 。 更cánh 無vô 所sở 益ích 。 應ung 可khả 度độ 者giả 。 若nhược 天thiên 上thượng 人nhân 間gian 。 皆giai 悉tát 已dĩ 度độ 。 其kỳ 未vị 度độ 者giả 。 皆giai 亦diệc 已dĩ 作tác 。 得đắc 度độ 因nhân 緣duyên 。 自tự 今kim 已dĩ 後hậu 。 我ngã 諸chư 弟đệ 子tử 。 展triển 轉chuyển 行hành 之chi 。 則tắc 是thị 如Như 來Lai 。 法Pháp 身thân 常thường 在tại 。 而nhi 不bất 滅diệt 也đã 。 是thị 故cố 當đương 知tri 。 世thế 皆giai 無vô 常thường 。 會hội 必tất 有hữu 離ly 。 勿vật 懷hoài 憂ưu 也đã 。 世thế 相tương 如như 是thị 。 當đương 勤cần 精tinh 進tán 。 早tảo 求cầu 解giải 脫thoát 。 以dĩ 智trí 慧tuệ 明minh 。 滅diệt 諸chư 癡si 闇ám 。 世thế 實thật 危nguy 脆thúy 。 無vô 牢lao 強cường/cưỡng 者giả 。 我ngã 今kim 得đắc 滅diệt 。 如như 除trừ 惡ác 病bệnh 。 此thử 是thị 應ung/ứng 捨xả 。 罪tội 惡ác 之chi 物vật 。 假giả 名danh 為vi 身thân 。 沒mọt 在tại 生sinh 老lão 病bệnh 死tử 大đại 海hải 。 何hà 有hữu 智trí 者giả 。 得đắc 除trừ 滅diệt 之chi 。 如như 殺sát 怨oán 賊tặc 。 而nhi 不bất 歡hoan 喜hỷ 。

汝nhữ 等đẳng 比Tỳ 丘Kheo 。 常thường 當đương 一nhất 心tâm 。 勤cần 求cầu 出xuất 道đạo 。 一nhất 切thiết 世thế 間gian 。 動động 不bất 動động 法pháp 。 皆giai 是thị 敗bại 壞hoại 。 不bất 安an 之chi 相tương 。 汝nhữ 等đẳng 且thả 止chỉ 。 勿vật 得đắc 復phục 語ngữ 。

時thời 將tương 欲dục 過qua 。 我ngã 欲dục 滅diệt 度độ 。 是thị 我ngã 最tối 後hậu 。 之chi 所sở 教giáo 誨hối 。

佛Phật 垂thùy 般Bát 涅Niết 槃Bàn 略lược 說thuyết 教giáo 誡giới 經kinh

卅

Bản dịch Hán ngữ: 11/10/2013, hiệu đính: 11/10/2013

---o0o---

Hết